TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ THIỆN** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2022/HNGĐ - ST
Ngày 18/3/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Ksor H'Đuen
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Xuân Chương
2. Bà Võ Hoàng Lan

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân huyện Phú Thiện tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Anh – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:89/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, về việc: *"Ly hôn và nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Rcom N, sinh năm 1982

Bị đơn: Anh Rmah T, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do, dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 25/10/2021, các biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn chị Rcom N trình bày:

Chị và anh Rmah T chung sống với nhau từ năm 2005, nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú Thiện, thời gian đầu chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2010 anh Tđi xuất khẩu lao động ở nước ngoài từ đó vợ chồng hay mâu thuẫn, do tại nơi làm việc anh Tcó mối quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, nuôi con và kinh tế gia đình do một mình chị N phải lo. Sau khi anh Tvề nước thì anh chung sống với người phụ nữ khác. Chị N cũng đã cố gắng để giữ gìn hạnh phúc gia đình khuyên anh Tvề, nhưng không có kết quả tốt. Đến giờ vợ chồng cũng đã ly thân rất lâu. Giờ chị N

xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung: tên là Rcom T1, sinh ngày 14/9/2007. Chị có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh Tcấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và không ai nợ anh chị. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Rmah T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt niêm yết thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Tvà điện thoại báo cho anh T. Nhưng anh Tkhông đến Tòa án làm việc để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trách nhiệm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp chứng cứ, tham gia các buổi hòa giải. Các thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tiến hành đầy đủ, đúng thủ tục.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Rcom N, xử cho chị N ly hôn anh T.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị N. Giao cho chị N trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Rcom T1, sinh ngày 14/9/2007. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Buộc chị N chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

Chị Rcom N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với anh Rmah T. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Tlà bị đơn trong vụ kiện có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Rmah T, vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Rcom N và anh Rmah Tcó đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/2010 tại UBND thị trấn H, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, quan hệ

hôn nhân giữa chị N và anh Tlà quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ khi anh Tđi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, theo nguyên đơn trình bày là do tại nơi làm việc anh Tcó mối quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình vợ con, không lo kinh tế gia đình. Sau khi anh Tvề nước thì anh tiếp tục chung sống với người phụ nữ khác. Chị N khuyên anh về nhưng vẫn không có kết quả sau đó vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị N yêu cầu ly hôn.

Đối với anh Tmặc dù đã được Tòa án niêm yết các giấy triệu tập hòa giải và các văn bản tố tụng nhưng anh Tđều không đến.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

[3] Về việc nuôi con chung:

Xét điều kiện mọi mặt và nguyện vọng của con chung là muốn ở với mẹ và thấy rằng thời gian qua con chung đã được chị N nuôi dưỡng, chăm sóc bảo đảm điều kiện mọi mặt. Do vậy, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cho chị N trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Rcom T1, ngày 14/9/2007. Chị N không yêu cầu anh Tphải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và không ai nợ anh chị nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Chi Rcom N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Rcom N.

* Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Rcom N ly hôn với anh Rmah T.

* Về việc nuôi con chung:

Giao cho chị Rcom N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là: Rcom T1, ngày 14 tháng 9 năm 2007. Anh Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Thời hạn trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị N tính từ nay (18/3/2022) cho đến khi con chung thành niên, hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Tcó quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể áp dụng mức cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Rcom N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007763 ngày 25/10/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Số tiền này được chuyển thành tiền án phí sung ngân sách nhà nước.

Chị N và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Thiện;
- Chi cục THA DS huyện Phú Thiện;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Ksor H'Đuen